

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

NỘI DUNG KIẾN THỨC KHỐI 7 - TUẦN 12+13

MÔN TOÁN KHỐI 7 TUẦN 12

MÔN: ĐẠI SỐ. KHỐI 7

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH														
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 7	§3 ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ NGHỊCH														
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ Vận dụng- Luyện tập	1- Định nghĩa:Nếu đại lượng y liên hệ x theo công thức $y = \frac{a}{x}$ hay $x.y = a$ (a là hằng số khác 0) thì ta nói y tỉ lệ nghịch với x theo hệ số tỉ lệ a Chú ý (sgk) 2- Tính chất : x và y tỉ lệ nghịch thì 1)$x_1y_1 = x_2 y_2 =.....= a$ 2)$\frac{y_1}{y_2} = \frac{x_2}{x_1};....., \frac{y_3}{y_1} = \frac{x_1}{x_3}$ Bài 12 (sgk) a)Ta có $y = \frac{a}{x}$ thay $x = 8$ vào $y = 15$ ta có $a = 8.15 = 120$ b) $y = \frac{120}{x}$ c) Khi $x = 6 \Rightarrow y = \frac{120}{6} = 20$ Khi $x = 10 \Rightarrow y = \frac{120}{10} = 10$ Bài 13 (sgk) <table><tr><td>x</td><td>0,5</td><td>-1,2</td><td>2</td><td>-3</td><td>4</td><td>6</td></tr><tr><td>y</td><td>12</td><td>- 5</td><td>3</td><td>-2</td><td>1,5</td><td>1</td></tr></table>	x	0,5	-1,2	2	-3	4	6	y	12	- 5	3	-2	1,5	1
x	0,5	-1,2	2	-3	4	6									
y	12	- 5	3	-2	1,5	1									
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm,) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom,... - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.														

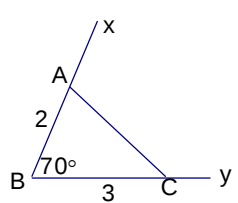
NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 12

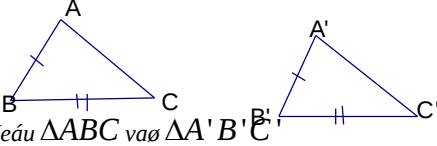
(Từ 22/11 đến 27/11)

MÔN: ĐẠI SỐ. KHỐI 7

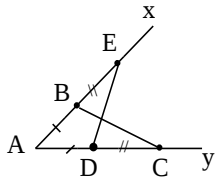
NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 7	MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ NGHỊCH
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ Vận dụng- Luyện tập	1/ Bài toán1 (sgk) Vận tốc và thời gian là hai đại lượng tỉ lệ nghịch ta có : $\frac{t_1}{t_2} = \frac{v_2}{v_1}$ maø $t_1 = 6$; $v_2 = 1,2 v_1$ Do ñoù : $\frac{6}{t_2} = \frac{1,2 v_1}{v_1} = 1,2$ $\Rightarrow t_2 = \frac{6}{1,2} = 5$ Vậy ô tô đi từ A -> B với vận tốc mới thì mất 5 giờ 2/ Bài toán 2:(SGK) Gọi x,y,z ,t là số máy của mỗi đội ,ta có $x+y+z+t=36$ Số máy và số người là hai đại lượng tỉ lệ nghịch ta có 4. $x=6, y=10, z=12, t$ $\Rightarrow \frac{x}{4} = \frac{y}{6} = \frac{z}{10} = \frac{t}{2}$ $= \frac{x+y+z+t}{\frac{1}{4} + \frac{1}{6} + \frac{1}{10} + \frac{1}{2}} = \frac{36}{\frac{36}{60}} = 60$ $* \frac{x}{4} = 60 \rightarrow x = 15$; $* \frac{y}{6} = 60 \rightarrow y = 10$ $* \frac{z}{10} = 60 \rightarrow z = 6$; $* \frac{t}{12} = 60 \rightarrow t = 5$ Vậy số máy của mỗi đội lần lượt là: 15, 10, 6, 5

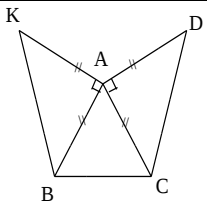
MÔN: HÌNH HỌC . KHỐI 7

NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 7	TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU THỨ HAI CỦA TAM GIÁC CẠNH-GÓC- CẠNH (c.g.c)
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	1. <u>Vẽ tam giác biết hai cạnh và góc xen giữa:</u> Bài toán: Vẽ tam giác ABC biết AB = 2cm, BC = 3cm, $B = 70^\circ$ Cách vẽ: (SGK)  2. Trường hợp bằng nhau cạnh – góc – cạnh

Vận dụng- Luyện tập	Nếu hai cạnh và góc xen giữa của tam giác này bằng hai cạnh và góc xen giữa của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau  Neáu $\triangle ABC$ và $\triangle A'B'C'$ Còu: $AB = A'B'$ $B = B'$ $BC = B'C'$ Thì: $\triangle ABC = \triangle A'B'C'$ (c.g.c) 3. Hệ quả:sgk/118 Bài 28 sgk: $\triangle DKE : K = 80^\circ, E = 40^\circ$ $\Rightarrow D = 180^\circ - (K + E)$ (Tổng 3 góc của tam giác) $\Rightarrow D = 180^\circ - 120^\circ = 60^\circ$ Vậy $\triangle ABC = \triangle KDE$ (c.g.c) Vì $AB = KD$ (gt); $B = D = 60^\circ$ $BC = DE$ (gt) Còn $\triangle MNP$ không bằng hai tam giác còn lại
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm, ...) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom, ... - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

MÔN: HÌNH HỌC . KHỐI 7

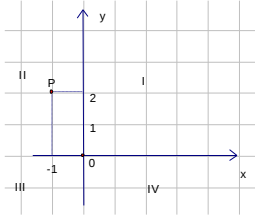
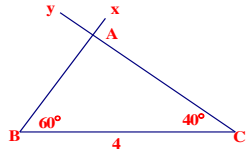
NỘI DUNG	NỘI DUNG GHI BẢNG CỦA HỌC SINH
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 7	LUYỆN TẬP
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	Bài 29 sgk:  Vì $AD = AB$ (gt) $DC = BE$ (gt) $\Rightarrow AC = AE$ Xét $\triangle ABC$ và $\triangle ADE$ có: $AD = AB$ (gt); $\hat{A}$ chung; $AC = AE$ $\Rightarrow \triangle ABC = \triangle ADE$ (c.g.c) Bài tập thêm

Vận dụng- Luyện tập	 Xét $\triangle ABK$ và $\triangle ACD$ có: $AB = AC$ (gt) $\angle KAB = \angle DAC = 1v(gt)$ $AK = AD$ $\Rightarrow \triangle ABK = \triangle ACD$ (c.g.c)
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm,) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom, ... - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

MÔN TOÁN KHỐI 7 TUẦN 13

MÔN TOÁN KHỐI 7

NỘI DUNG	GHI CHÚ																				
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	<u>Bài 5: HÀM SỐ - Đại số 7</u> <u>Bài 6: MẶT PHẪNG TOẠ ĐỘ - Đại số 7</u> <u>Bài 5: TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU THỨ BA CỦA TAM GIÁC GÓC – CẠNH – GÓC (G.C.G) – Hình học 7</u>																				
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	<u>Bài 5: HÀM SỐ</u> Em hãy đọc kỹ 3 ví dụ về hàm số, từ đó nhận biết được hàm số là gì và tính được giá trị của hàm số. <u>1. MỘT SỐ VÍ DỤ VỀ HÀM SỐ:</u> <u>Ví dụ 1:</u> Trang 62 sgk. <u>Ví dụ 2:</u> $m = 7,8.V$ <u>[21]</u> m tỉ lệ thuận với V <table><tr><td>V(cm³)</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr><tr><td>m (g)</td><td>7,8</td><td>15,6</td><td>23,4</td><td>31,2</td></tr></table> <u>Ví dụ 3:</u> $t = \frac{50}{v}$ <u>[22]</u> Lập bảng các giá trị của t <table><tr><td>v (km/h)</td><td>5</td><td>10</td><td>25</td><td>50</td></tr><tr><td>t (h)</td><td>10</td><td>5</td><td>2</td><td>1</td></tr></table> * <u>Nhận xét:</u> T là hàm số của t (ví dụ 1) m là hàm số của V (ví dụ 2) t là hàm số của v (ví dụ 3) <u>2. KHÁI NIỆM HÀM SỐ:</u> * <u>Khái niệm:</u> Nếu đại lượng y phụ thuộc vào đại lượng thay đổi x sao cho với mỗi giá trị của x ta luôn xác định được chỉ một giá trị tương ứng của y thì y được gọi là hàm số của x và x gọi là biến số. * <u>Chú ý:</u> - Khi x thay đổi mà y luôn nhận một giá trị thì y được gọi là hàm hằng. - Hàm số có thể được cho bằng bảng, bằng công thức. - Khi y là hàm số của x ta có thể viết: $y = f(x)$, $y = g(x)$, ... Ví dụ: Cho hàm số $y = f(x) = 2x + 3$. Tính $f(3)$. Giải: $f(3) = 2 \cdot 3 + 3 = 9$	V(cm ³)	1	2	3	4	m (g)	7,8	15,6	23,4	31,2	v (km/h)	5	10	25	50	t (h)	10	5	2	1
V(cm ³)	1	2	3	4																	
m (g)	7,8	15,6	23,4	31,2																	
v (km/h)	5	10	25	50																	
t (h)	10	5	2	1																	

	<u>Bài 6 : MẶT PHẪNG TOẠ ĐỘ</u> Em đọc kỹ 2 ví dụ để hiểu và nhớ những cụm từ mới như: mặt phẳng toạ độ, trục tung, trục hoành,... <u>1. ĐẶT VẤN ĐỀ:</u> <u>Ví dụ 1:</u> Tọa độ địa lí của mũi Cà Mau là: $\begin{cases} 104^{\circ}40'Đ \\ 8^{\circ}30'B \end{cases}$ <u>Ví dụ 2:</u> Trang 65 sgk. Trong toán học để xác định vị trí của mỗi điểm trên mặt phẳng người ta dùng một cặp gồm hai số. <u>2. MẶT PHẪNG TOẠ ĐỘ:</u> Mặt phẳng có hệ trục toạ độ Oxy gọi là mặt phẳng toạ độ Oxy. Các trục Ox và Oy gọi là các trục toạ độ, Ox là trục hoành, Oy là trục tung. Giao điểm O biểu diễn số 0 của cả hai trục gọi là gốc toạ độ. <u>3. TOẠ ĐỘ CỦA MỘT ĐIỂM TRONG MẶT PHẪNG TOẠ ĐỘ:</u> Cặp số $(-1; 2)$ là toạ độ của điểm P Kí hiệu là $P(-1; 2)$ -1 là hoành độ 2 là tung độ của điểm P - Trên mặt phẳng toạ độ: - Mỗi điểm M xác định một cặp số $(x_0; y_0)$. Ngược lại, $(x_0; y_0)$ xác định một điểm M. - Cặp số $(x_0; y_0)$ gọi là toạ độ của điểm M, x_0 là hoành độ và y_0 là tung độ của điểm M. - Kí hiệu: $M(x_0; y_0)$ là điểm M có toạ độ $(x_0; y_0)$ 2 Tọa độ của gốc O là: $O(0; 0)$. mỗi cặp số $(x_0; y_0)$  <u>Bài 5 : TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU THỨ BA CỦA TAM GIÁC GÓC – CẠNH – GÓC (G.C.G)</u> Em đọc kỹ cách vẽ tam giác khi biết một cạnh và hai góc kề và trường hợp bằng nhau thứ ba của hai tam giác. <u>1. VỀ TAM GIÁC BIẾT MỘT CẠNH VÀ HAI GÓC KỀ:</u> (sgk/121) <u>2. TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU GÓC – CẠNH – GÓC:</u> Xét $\triangle ABC$ và $\triangle A'B'C'$ có: $A = A'$ $AB = A'B'$ $B = B'$ Vậy: $\triangle ABC = \triangle A'B'C'$ (g.c.g)  <u>3. HỆ QUẢ:</u> <u>Hệ quả 1:</u> (sgk/122) <u>Hệ quả 2:</u> (sgk/122)
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Em hãy làm các bài tập sau: Bài 1 – Nhận biết. Cho hàm số $y = f(x) = \frac{3}{2}x - 1$. Tính giá trị của $f(2)$; $f(-4)$. Bài 2 – Nhận biết. Biểu diễn các điểm sau trên mặt phẳng toạ độ Oxy: $A(1; 2)$ $B(-3; 4)$ $C(0; 4)$ $D(-2; 0)$ Bài 3 – Thông hiểu. Cho góc xOy khác góc bẹt, Ot là tia phân giác của góc đó. Qua điểm H thuộc Ot, kẻ đường vuông góc với Ot, nó cắt Ox và Oy theo thứ tự ở A và B. a) Chứng minh $AO = OB$. b) Lấy điểm C trên tia Ot, chứng minh $CA = CB$ và $\widehat{OAC} = \widehat{OBC}$.

MÔN LÝ KHỐI 7 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học Bài 12: ĐỘ TO CỦA ÂM	Lưu ý các em học sinh: + Ghi vào tập tên bài, nội dung trọng tâm. + Tự tìm hiểu thông tin sgk, tài liệu từ internet

Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu	1. Âm to âm nhỏ - Biên độ dao động - Thí nghiệm 1: H12.1 C1 : Làm bảng 1 SGK/34 Kết luận : Độ lệch lớn nhất của vật dao động so với vị trí cân bằng của nó được gọi là biên độ dao động Biên độ dao động càng lớn , âm càng to C2 : Xem hình 12.2 và điền vào chỗ trống SGK Thí nghiệm 2 SGK Kết luận : - Âm phát ra càng to khi biên độ dao động của nguồn âm càng lớn 2. Độ to của một số âm -Độ to của âm được đo bằng 1 đơn vị ĐÊXIBEN (ký hiệu là Db) - Coi bảng 2 SGK trang 35 3. Vận Dụng Làm bài tập câu C4,5,6,7
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	<u>Dựa vào thông tin vừa đọc,tìm hiểu, học sinh hoàn thành các câu :</u> Câu 1: Bởi vì khi ta gõ mạnh vào âm thoa, mặt trống thì mặt trống, âm thoa dao động mạnh hơn, biên độ dao động càng lớn, âm phát ra càng to. Câu 2: Bởi vì khi ta kéo mặt trống và thả tay ra thì làm cho mặt trống dao động nên phát ra âm thanh. Để tạo ra âm thanh khác nhau ta chỉ cần kéo mặt trống ở các mức, lực khác nhau.

MÔN LÝ KHỐI 7 TUẦN 13

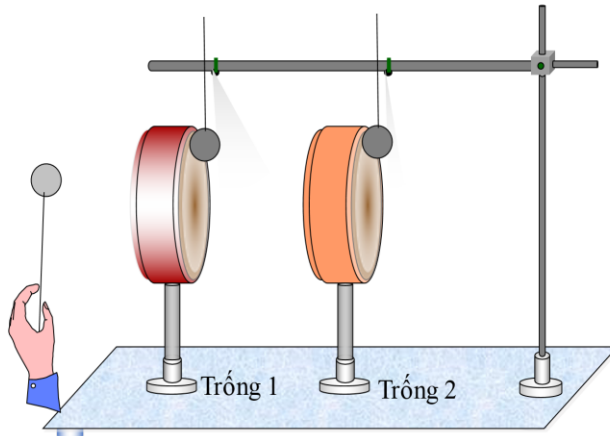
NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học	BÀI 13: MÔI TRƯỜNG TRUYỀN ÂM
Hoạt động 1: Đọc nội dung trọng	<u>Học sinh đọc kỹ nội dung trọng tâm của bài:</u>

Bài 13: MÔI TRƯỜNG TRUYỀN ÂM

I. Môi trường truyền âm:

***Sự truyền âm trong chất khí:**

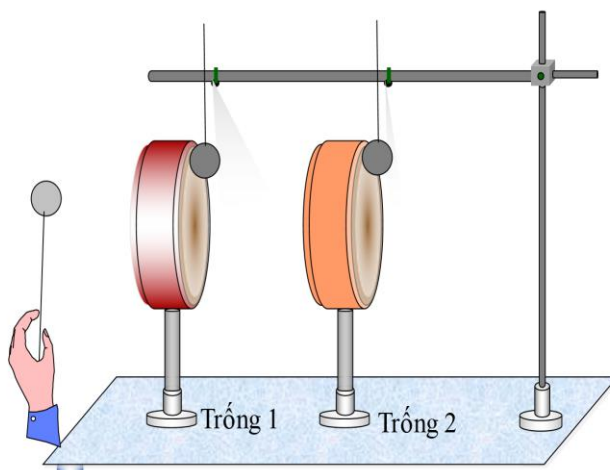
Có hiện tượng gì xảy ra với quả cầu bắc treo gần trống 2 ?
Hiện tượng đó chứng tỏ điều gì?



-> Quả cầu bắc gần trống 2 rung động và lệch khỏi vị trí ban đầu. Hiện tượng đó chứng tỏ âm đã được không khí truyền từ mặt trống thứ nhất đến mặt trống thứ hai.

***So sánh biên độ dao động của hai quả cầu bắc. Từ đó rút ra kết luận về độ to của âm trong khi lan truyền.**

-> Quả cầu thứ hai có biên độ dao động nhỏ hơn so với quả cầu thứ nhất.



Kết luận:

Độ to của âm **giảm dần** khi ở xa nguồn âm và ngược lại.

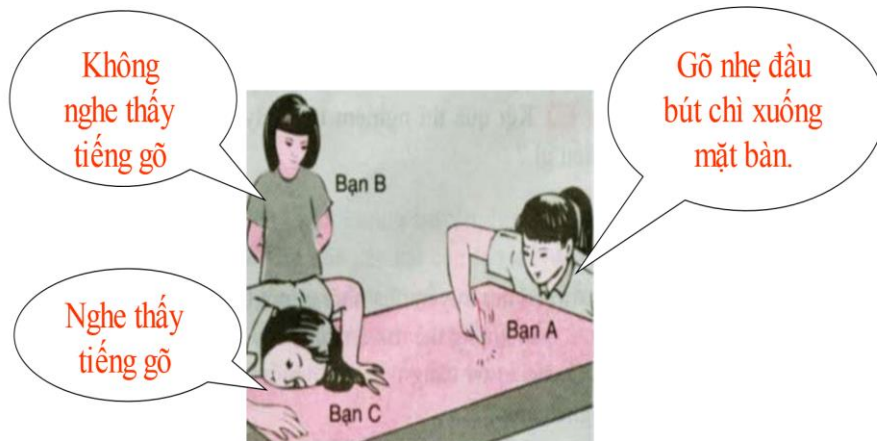
*Sự truyền âm trong chất rắn

Bạn A gõ nhẹ đầu bút chì xuống mặt một đầu bàn, sao cho bạn B đứng ở cuối bàn không nghe thấy tiếng gõ, còn bạn C áp tai xuống mặt bàn thì nghe thấy tiếng gõ.



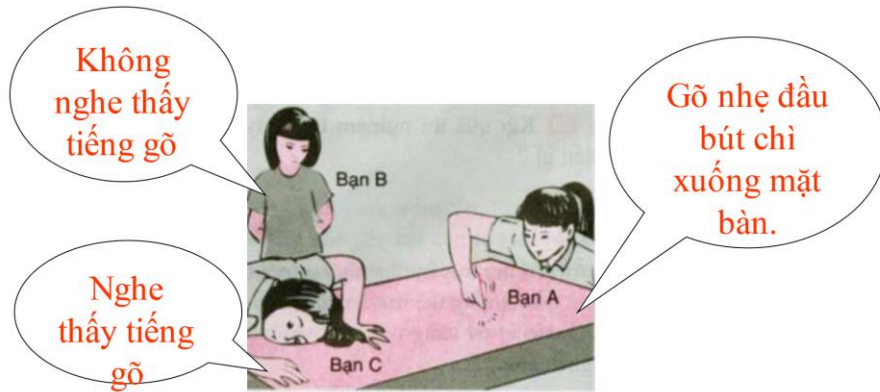
Âm truyền đến tai bạn C qua môi trường nào khi nghe thấy tiếng gõ?

Âm truyền đến tai bạn C qua môi trường rắn.



Chất rắn có truyền được âm hay không ?

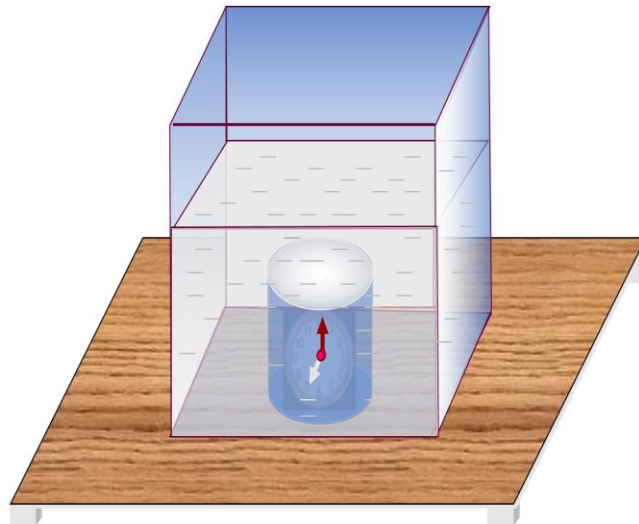
->Chất rắn truyền được âm.

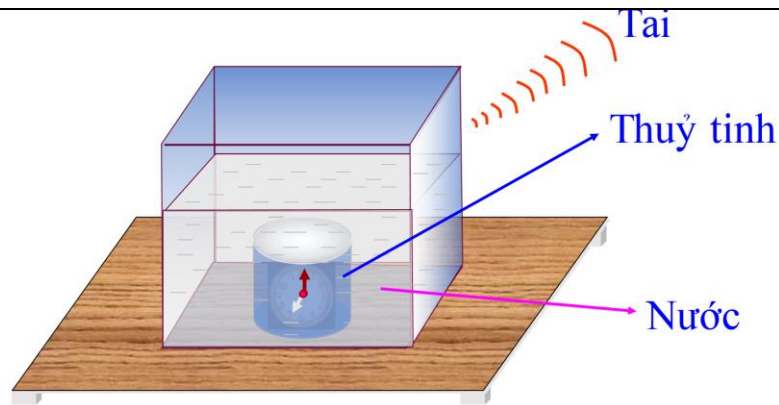


***Sự truyền âm trong chất lỏng**

Đặt nguồn âm vào trong một cái cốc và bịt kín miệng cốc bằng một miếng nilông.

Đề cốc này trong một bình nước và lắng tai để nghe âm phát ra.





*** Âm truyền đến tai qua những môi trường nào?**

-> Âm truyền đến tai qua lần lượt các môi trường:

- +Chất rắn
- +Chất lỏng
- +Chất khí



*** Âm có thể truyền được trong chân không hay không?**

Đặt một chuông điện trong một bình thủy tinh kín. Cho chuông kêu rồi hút dần không khí trong bình ra thì thấy rằng:

Khi không khí trong bình càng ít, tiếng chuông nghe càng nhỏ.

Khi trong bình gần như hết không khí (chân không), hầu như không nghe thấy tiếng chuông kêu nữa.

Sau đó nếu lại cho không khí vào bình thủy tinh, ta lại nghe thấy tiếng chuông.



- Âm có thể truyền qua những môi trường như chất rắn, lỏng, khí nhưng không thể truyền qua môi trường chân không.

- Ở vị trí càng gần nguồn âm thì âm nghe càng to, ở vị trí càng xa nguồn âm thì âm nghe càng nhỏ.

II. Vận tốc truyền âm:

*** Bảng vận tốc truyền âm của một số chất ở 20°C**

Không khí	Nước	Thép
340 m/s	1.500 m/s	6.100 m/s

***Nhận xét vận tốc truyền âm trong các môi trường: không khí, nước và thép.**

-> Vận tốc truyền âm trong các môi trường: không khí, nước và thép là khác nhau

-> Vận tốc truyền âm: trong thép lớn hơn trong nước, trong nước lớn hơn trong không khí.

-> Vận tốc truyền âm trong: chất rắn lớn hơn trong chất lỏng, trong chất lỏng lớn hơn trong chất khí.

-Trong các môi trường khác nhau, âm truyền đi với vận tốc khác nhau.

-Vận tốc truyền âm: trong chất rắn lớn hơn trong chất lỏng, trong chất lỏng lớn hơn trong chất khí.

Hoạt động 2: BT trọng tâm

Học sinh giải bài tập sau:

1) Âm thanh xung quanh truyền đến tai ta nhờ môi trường nào?

.....

2) Tại sao, ngày xưa, để nghe tiếng vó ngựa từ xa người ta thường áp tai xuống đất để nghe?.....

.....

3) Khi ở ngoài khoảng không (chân không), các nhà du hành vũ trụ có thể nói chuyện với nhau một cách bình thường như khi họ ở trên mặt đất được không? Tại sao?.....

.....

MÔN SINH KHỐI 7 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bài 24: đa dạng và vai trò của lớp giáp xác
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	1. Một số giáp xác khác

Đại diện	Kích thước	Cơ quan di chuyển	Lối sống	Đặc điểm khác
Một ả	Nhỏ	Chân	Ở cạn	Thở bằng mang
Sun	Nhỏ	Chân	Lối sống cố định	Sống bám vào vỏ tàu
Rận nước	Rất nhỏ	Đôi râu lớn	Sống tự do	Mùa hạ sinh toàn con cái
Chân kiể	Rất nhỏ	Chân kiể	Tự do, kí sinh	Kí sinh, phân phụ tiêu giảm
Cua đồng	Lớn	Chân bò	Hang hốc	Phân bụng tiêu giảm
Cua nhện	Rất lớn	Chân bò	Đáy biển	Chân dài giống nhện
Tôm ở nh	Lớn	Chân bò	Ăn vào vỏ ốc	Phân bụng vỏ mỏng và mềm

Kết luận:

- Giáp xác có số lượng loài lớn, một số loài thường gặp như: một ả, con sun, cua đồng, rận nước....
- Môi trường sống khác nhau: dưới nước, trên cạn
- Lối sống phong phú: sống cố định, sống tự do, sống trong hang ốc, sống kí sinh hay sống nhờ...

2. Vai trò thực tiễn

- Hầu hết giáp xác có lợi: tôm, cua, tép, ghẹ, cáy... là thực phẩm tươi sống hay đông khô, nguyên liệu để chế biến mắm. Một số có giá trị xuất khẩu: cua biển, tôm hùm
- Tuy nhiên, một số giáp xác nhỏ có thể gây hại:
 - + Truyền bệnh giun sán, kí sinh ở da và mang cá, gây chết cá hàng loạt: chân kiể kí sinh ...
 - + Bám vào vỏ tàu thuyền làm tăng ma sát, giảm tốc độ di chuyển của tàu thuyền và có hại cho các công trình dưới nước (sun bám vào vỏ tàu).

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Yêu cầu HS đọc phần thông tin SGK cung cấp và chọn đáp án đúng (Mức độ nhận biết)

Câu 1: Lớp giáp xác có bao nhiêu loài

- 10 nghìn
- 20 nghìn
- 30 nghìn
- 40 nghìn

Câu 2: Đặc điểm nào KHÔNG phải của loài một ả

- Có thể bò
- Sống ở biển
- Sống trên cạn
- Thở bằng mang

Câu 3: Loài giáp xác nào bám vào vỏ tàu thuyền làm giảm tốc độ di chuyển

- Một ả
- Tôm sông
- Con sun
- Chân kiể

Câu 4: Loài nào được coi là giáp xác lớn nhất

- Rận nước
- Cua nhện
- Tôm ở nh
- Con sun

BTVN: Trả lời câu hỏi 1,2,3 SGK
 Đọc phần “Em có biết?”
 Xem trước bài 25 SGK

MÔN SINH KHỐI 7 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Chủ đề - LỚP HÌNH NHỆN	Bài 25 : NHỆN VÀ SỰ ĐA DẠNG CỦA LỚP HÌNH NHỆN. - Yêu cầu HS ghi nội dung trọng tâm ở hoạt động 1. - Thực hiện bài tập vận dụng ở hoạt động 2 trước ở nhà
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I.Nhện: -Hoạt động về đêm , săn bắt sâu bọ có hại 1.Cấu tạo: Cơ thể gồm 2 phần : +Phần đầu –bụng. +Phần ngực. 2.Tập tính: a.Chăng lưới b.Bắt mồi: săn bắt mồi sống II.Sự đa dạng của lớp hình nhện: 1.Đại diện: a.Bò cạp : -Sống nơi khô ráo,hoạt động về đêm -Có nọc độc, chân khỏe. b.Cái ghê: -Kí sinh trên người => gây bệnh ghê ngứa. c.Ve bò: -Kí sinh ngoài => hút máu gia súc. 2.Vai trò: -Săn bắt sâu bọ có hại .Vd: nhện đỏ. -Làm thức ăn cho người và động vật khác.Vd: bò cạp, nhện -Làm vật trang trí .Vd: bò cạp -Làm thuốc Vd: Bò cạp -Gây bệnh cho người và gia súc .Vd: cái ghê, ve bò.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Bài tập vận dụng (Mức độ nhận biết - thông hiểu) Câu 1: Loài động vật nào KHÔNG thuộc lớp Hình nhện a. Nhện b. Bọ cạp c. Tôm ở nhờ d. Cái ghê Câu 2: (1) Chăng tơ phóng xạ (2) Nhện nằm ở trung tâm lưới để chờ mồi (3) Chăng bộ khung lưới (các dây tơ khung) (4) Chăng các tơ vòng

Nhện chăng lưới theo thứ tự các bước

- a. 1 – 2 – 3 – 4
- b. 3 – 1 – 4 – 2
- c. 3 – 4 – 1 – 2
- d. 1 – 3 – 4 – 2

Câu 3: Cái ghẻ sống ở

- a. Dưới biển
- b. Trên cạn
- c. Trên da người
- d. Máu người

Câu 4: Thức ăn của loài ve bò

- a. Cỏ
- b. Động vật nhỏ hơn
- c. Máu động vật
- d. Hút nhựa cây

Câu 5: Bộ cặp có độc ở

- a. Kìm
- b. Trên vỏ cơ thể
- c. Trong miệng
- d. Cuối đuôi

Câu 6: Nhện có bao nhiêu phần

- a. Có 2 phần: phần đầu – ngực và phần bụng
- b. Có 3 phần: phần đầu, phần ngực và phần bụng
- c. Có 2 phần là thân và các chi
- d. Có 3 phần là phần đầu, phần bụng và các chi

Câu 7: Lớp Hình nhện có bao nhiêu loài

- a. 13 nghìn loài
- b. 16 nghìn loài

	c. 33 nghìn loài d. 36 nghìn loài BTVN: Trả lời câu hỏi 1,2,3 SGK/trang 85 Đọc phần “Em có biết?” Xem trước bài 26 SGK/trang 86
--	--

MÔN TIN HỌC KHỐI 7 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	ĐỊNH DẠNG TRANG TÍNH (TT)
Hoạt động 1: Nội dung bài mới Hoạt động 2: Cũng cố	3. Tô màu nền và kẻ đường biên của các ô tính B1. Chọn các ô cần tô màu nền hoặc kẻ đường biên B2. Nháy chuột vào mũi tên ở lệnh Fill Color  hoặc Borders  B3. Chọn màu nền và đường biên phù hợp 4. Tăng hoặc giảm số chữ số thập phân B1. Chọn các ô cần tăng hoặc giảm số chữ số thập phân B2. Nháy chuột vào mũi tên ở 1 trong 2 lệnh   <i>HD1: thực hành định dạng văn bản và số, căn chỉnh dữ liệu, tô màu văn bản, kẻ đường biên và tô màu nền</i> - Mở bảng tính Bang_diem_lop_em đã lưu ở tiết TH trước và tiếp tục định dạng phù hợp để được như hình 1.71 ? Hãy cho biết ngoài những phần đã định dạng, còn có những định dạng nào? - HS tiến hành hoàn thành BT1.

MÔN TIN HỌC KHỐI 7 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	ÔN TẬP
Hoạt động 1: Nội dung bài mới Hoạt động 2: Cũng cố	<i>Thực hành lập công thức, sử dụng công thức, định dạng, căn chỉnh dữ liệu và tô màu</i> Lập trang tính giống hình 1.72/67 ? Hãy cho biết công thức tính mật độ dân số trong bài tập này. - HS tiến hành thực hành. - Mật độ = Dân số / diện tích = (dân số *1 000 000)/(diện tích*1000) = (dân số*1000)/diện tích. - Thực hành

MÔN VĂN KHỐI 7 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ Chủ đề	TIẾT 45: ĐIỆP NGỮ

- Khối lớp 7	
Hoạt động 1: Giao nhiệm vụ Phân tích ví dụ trang 152/SGK. - Tìm những từ ngữ được lặp đi lặp lại? - Tác dụng?	I. Điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ 1. Phân tích ngữ liệu (SGK- 148) *Khổ đầu bài thơ: Tiếng gà trưa - Từ nghe được lặp lại, nhằm nhấn mạnh ý, gây cảm xúc mạnh đối với người đọc. -> Từ nghe là điệp ngữ. => Điệp ngữ 2. Ghi nhớ: SGK/152
Hoạt động 2: Các dạng điệp ngữ - HS đọc ví dụ. - So sánh với điệp ngữ trong khổ đầu thì điệp ngữ trong 2 ví dụ sau có gì khác nhau?	II. Các dạng điệp ngữ 1. Phân tích ngữ liệu (SGK- 152) a. Điệp ngữ: rất lâu, thương em, khăn xanh - nối tiếp. b. Điệp ngữ: thấy, ngàn dâu - chuyển tiếp. c. Trong bài Tiếng gà trưa: điệp ngữ: nghe - cách quãng. 2. Ghi nhớ SGK/152
Hoạt động 3. Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học HS làm luyện tập trang 153	III. Luyện tập Bài 1 - Một dân tộc đã gan góc: nhấn mạnh bản chất gan góc của dân tộc ta. - Dân tộc đó phải được: nhấn mạnh quyền độc lập, tự do của dân tộc VN. - Đi cấy, trông: nhấn mạnh ý thức trách nhiệm với công việc của người nông dân. Bài 2 - Một giấc mơ → điệp chuyển tiếp . Bài 3 b. Sửa lại: Phía sau nhà em có một mảnh vườn. ở đó, em trồng rất nhiều loại hoa: Hoa đồng tiền, hoa thược dược, hoa cúc và cả hoa lay ơn nữa. Đến ngày Quốc tế phụ nữ em ra vườn hái hoa tặng mẹ, tặng chị.
Tên bài học/ Chủ đề - Khối lớp 7	TIẾT 46: KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN LẦN 3
Tên bài học/ Chủ đề - Khối lớp 7 Hoạt động 1: Chuyển giao nhiệm vụ: -Chiều đề bài. -HS đọc đề và xác định yêu cầu đề bài. -Thảo luận xây dựng dàn ý và nhận xét về ưu khuyết điểm trong bài làm	TIẾT 47: TRẢ BÀI KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ I I. Đề kiểm tra 1. Đề bài: có tệp đính kèm 2. Dàn bài: tệp đính kèm
Hoạt động 2: Nhận xét bài làm	II. Nhận xét chung 1. Ưu điểm - Đã nêu được đặc điểm của lá thư - Bố cục đầy đủ, rõ ràng. - Biết kết hợp yếu tố biểu cảm, miêu tả - Nhiều em biết vận dụng liên kết và mạch lạc trong quá trình tạo lập văn bản. - Một số bài cảm xúc, ý nghĩa. 2 Nhược điểm - Nhiều HS chưa tách đoạn hợp lí - Một số HS sắp xếp ý lộn xộn, chưa biết tóm tắt nội dung thư - Diễn đạt lủng củng, mắc lỗi dùng từ, lỗi diễn đạt chưa

	lưu loát - Còn sai lỗi chính tả
Hoạt động 3: Thực hành sửa lỗi - Hs phát hiện lỗi sai trong bài làm của mình và của bạn. - Nhận dạng lỗi và sửa chữa	III. Sửa lỗi 1. Chính tả 2. Từ 3. Câu 4. Đoạn IV. Thống kê điểm V Đọc bài tiêu biểu
Tên bài học/ Chủ đề - Khối lớp 7 Hoạt động 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Tác giả phát biểu cảm nghĩ của mình về bài thơ "Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh" bằng cách tưởng tượng, liên tưởng, hồi tưởng, suy ngẫm về các hình ảnh, chi tiết của nó. - Hãy chỉ ra các yếu tố đó trong bài văn? - Nếu không biết, không đọc, không hiểu về tác phẩm thì có được cảm xúc không? Từ đó, theo em cảm nghĩ về tác phẩm bắt đầu từ đâu? - Đây là 1 bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học. Em hiểu thế nào là phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học?	TIẾT 47: CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC I. Tìm hiểu cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học 1. Phân tích ngữ liệu. *PBCN về một tác phẩm văn học - PBCN về một tác phẩm văn học là trình bày những cảm xúc, tưởng tượng, liên tưởng, suy ngẫm của mình về nội dung và hình thức của tác phẩm đó. *Bố cục - Bố cục: 3 phần + MB: giới thiệu về tác phẩm và hoàn cảnh tiếp xúc với tác phẩm. + TB: những cảm xúc, suy nghĩ do tác phẩm gợi nên. + KB: ấn tượng chung về tác phẩm. 2. Ghi nhớ: sgk/147
Hoạt động 2: củng cố kiến thức bằng hình thức luyện tập	II. Luyện tập Bài 1 - So sánh mới mẻ, hấp dẫn ở câu 1. - Từ ngữ hình ảnh quần quýt sinh động ở câu 2. - Sự hài hoà giữa người và cảnh ở câu 3. - Tâm hồn cao cả của Bác ở câu 4. Bài 2 + MB: giới thiệu ngắn gọn hoàn cảnh sáng tác. + TB: - Cảm xúc chủ đạo: nổi ngạc nhiên, buồn cô đơn của nhà thơ già sau bao năm xa quê nay mới đặt chân về quê. - Đồng cảm với tình yêu quê hương được biểu hiện trong 1 hoàn cảnh đặc biệt. + KB: ấn tượng về giá trị của bài thơ.

MÔN VĂN KHỐI 7 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ Chủ đề - Khối lớp 7	TIẾT 49: LUYỆN NÓI : PHÁT BIỂU CẢM NGHĨ VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC
Hoạt động 1: Chuẩn bị -HS đọc đề SGK/154 - Hãy nêu các bước làm bài văn biểu cảm.	I. Chuẩn bị Đề: Phát biểu cảm nghĩ về một trong hai bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Cảnh khuya, Rằm tháng giêng

-Bố cục của bài văn biểu cảm?	1. Tìm hiểu đề, tìm ý 2. Lập dàn bài *MB: - Giới thiệu tác phẩm, tác giả - Giới thiệu ấn tượng, cảm xúc của mình: đọc bài thơ em thấy 1 bức tranh thiên nhiên hiện ra trong tâm trí... * TB: - Nêu cảm nhận chung về h/a trong bài (phong cảnh, tâm hồn) - Nêu cảm nghĩ theo từng câu thơ * KB: tình cảm của em đối với bài thơ: bài thơ cho ta thấy Bác Hồ là 1 nhà cách mạng, 1 nhà thơ...
Hoạt động 2: Luyện nói -HS thảo luận nói trong nhóm. -Các bạn sửa chữa, rút kinh nghiệm. -Luyện nói trên lớp	II. Luyện nói trên lớp 1. Luyện nói trong nhóm 2. Luyện nói trước lớp
Hoạt động 1: Ôn lại kiến thức -Củng cố kiến thức văn học về thể thơ, các văn bản, nội dung, ý nghĩa của văn bản -Củng cố kiến thức Tiếng Việt: từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm	Tiết 50: KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN (LẦN 4) Tiết 51,52: LUYỆN TẬP I.Lí thuyết A. Văn học. B. Tiếng Việt
Hoạt động 2: Luyện tập Câu 1.Dòng nào nói đúng khái niệm về từ đồng âm? A. Những từ giống nhau về âm thanh. B. Những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau. C. Những từ giống nhau về ý nghĩa. D. Những từ có nghĩa trái ngược nhau. Câu 2.Cơ sở để phân biệt phân biệt từ đồng âm là gì ? A. Hình thức âm thanh của từ B. Ý nghĩa của từ C. Quan hệ giữa các từ trong câu D. Vai trò ngữ pháp của từ Câu 3.Để tránh những hiểu lầm do hiện tượng đồng âm gây ra, cần phải chú ý điều gì khi giao tiếp? A. Chú ý đầy đủ ngữ cảnh, dùng từ chính xác, để tránh sai nghĩa của từ trong câu.(1) B. Chú ý phát âm thật chính xác. (2) C. Chú ý thông báo rằng mình sắp sửa dùng từ đồng âm. (3) D. Cả (1), (2), (3) đều đúng. Câu 4.Dòng nào sau đây đều là các từ đồng âm ? A. Bàn bạc, luận bàn, bàn cãi B. Mai một, hoa mai, mai táng C. Bình yên, bình an, bình tĩnh Câu 5.Tìm từ đồng âm với từ chân trong	II.Luyện tập 1. Viết đoạn văn(5-7 câu) cảm nghĩ về tình cảm quê hương có sử dụng từ trái nghĩa. 2. Viết đoạn văn (5-7 câu) cảm nghĩ về các anh chiến sĩ bộ đội tham gia chống dịch COVID, có sử dụng từ đồng nghĩa.

câu sau "Mỗi khi trái gió trở trời , cái chân tôi lại đỡ chứng đau nhức."? A. Chân thật B. Chân lý C. Chân giả D. Chân thành 6. Dòng nào sau đây chỉ gồm những từ đồng âm? A. Ngựa lồng, lồng chim, lồng ruột chần bông. B. Đánh mìn, đánh đàn, đánh luống. C. Đảng phái, đảng phí, đảng viên. D. Ăn diện, ăn cỗ, ăn chơi. Câu 7. Các từ sau là đồng âm hay đồng nghĩa ? Tiền tài - Tiền lương Năng lực - Năng khiếu Tiền tuyến - Tiền vệ Câu trả lời của bạn: A. Đồng âm B. Đồng nghĩa Câu 8. Dòng nào sau đây đều là các từ đồng âm ? A. Thân mật, Ong mật, mật mã B. Mẫu mực, gương mẫu C. Giáo viên, giáo sư, giáo sinh Câu 9. Dòng nào sau đây không phải đều là các từ đồng âm ? A. Thu mua, thu hoạch B. Chiến tranh, tranh chấp C. Tiền bạc, tiền phương, tiền lương Câu 10. Các từ sau là đồng âm hay đồng nghĩa ? Bàn bạc - Bàn học Thu hoạch - Mùa thu Câu trả lời của bạn: A. Đồng nghĩa B. Đồng âm	
--	--

MÔN SỬ KHỐI 7 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	B/ CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM DƯỚI THỜI TRẦN. (4 tiết) I/ cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân xâm lược mong cổ (1258) 1/ Âm mưu xâm lược Đại Việt của mong cổ: Năm 1257, Ngột lương hợp thái chỉ huy 3 vạn quân M.C xâm lược ĐV, từ đó đánh thẳng lên phía nam Trung quốc. 2/ Nhà trần chuẩn bị và tiến hành kháng chiến chống quân mong cổ: * <u>Nhà Trần chuẩn bị</u>: ban lệnh cả nước sắm sửa vũ khí, thành lập đội dân binh, sẵn sàng đánh giặc. * <u>Diễn biến</u>: - T1/1258, NLHT chỉ huy 3 vạn quân MC tiến theo đường sông Thao, xuống Bạch

	hạc rồi bị ta chặn lại ở Bình lệ nguyên -> thế giặc mạnh, ta lui về Thiên Mạc. - Nhân dân Thăng Long thực hiện “<i>vườn không nhà trống</i>” -> giặc lâm vào tình thế khó khăn. - Nhà trần phản công ở Đông bộ đầu. -> <i>cuộc k/c kết thúc thắng lợi.</i> II/ cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân xâm lược Nguyên (1285) 1/ Âm mưu xâm lược đại việt và champa của nhà nguyên - làm cầu nối xâm lược các nước phía nam TQ. - đánh champa trước để làm bàn đạp đánh phía nam ĐV. 2/ Nhà trần chuẩn bị kháng chiến - Vua trần triệu tập hội nghị Bình than để bàn kế đánh giặc. - Trần Quốc Tuấn chỉ huy cuộc k/c. - Đầu năm 1285 mở hội nghị Diên hồng bàn cách đánh giặc. - Tổ chức tập trận và duyệt binh ở đông bộ đầu. - Quân sĩ thích vào cánh tay 2 chữ “<i>sát thát</i>”. 3/ diễn biến và k/quả của cuộc kháng chiến. a. Cuộc kháng chiến bùng nổ <u>Quân địch:</u> - T1/1285, Thoát Hoan chỉ huy 5 vạn quân xâm lược đại việt. - Thoát hoan tấn công vạn kiếp. - Quân giặc đóng quân ở phía bắc sông hồng. - Toa đô từ champa đánh ra <i>nghe an – thanh hóa; Thoát hoan đánh xuống, tạo thế gọng kìm.</i> <u>Quân ta:</u> - mở 1 số trận chặn giặc ở biên giới -> lui quân về vạn kiếp. - lui về thăng long, rồi về thiên trường, nhân dân thực hiện “<i>vườn không nhà trống</i>”. - ta rút lui củng cố lực lượng chuẩn bị phản công. b. Cuộc kháng chiến thắng lợi - Thoát hoan rút quân về thăng long -> rơi vào thế bị động. - T5/1285, quân ta phản công, đánh tan giặc ở tây kết, hàm tử, chương dương, giải phóng thăng long. - Thoát Hoan tháo chạy về nước, Toa đô bị chém đầu. - Dân tộc ta ca khúc khải hoàn.
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	+ Hs gạch dưới các đoạn in nghiêng sgk/58, 59, 61. + Đọc kĩ mục 2, 3 sgk/59.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	1/ Dựa vào lý thuyết đã học, em hãy thử trình bày diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Mông cổ lần 1 (năm 1258) trên lược đồ hình 30 (sgk/56). 2/ Nhà Trần chuẩn bị cho công cuộc kháng chiến lần thứ 2 (1285) như thế nào?

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 13

(Từ 29/11 đến 4/12)

MÔN: LỊCH SỬ - KHỐI 7

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	III/ Cuộc kháng chiến lần thứ ba chống quân xâm lược nguyên (1287 - 1288). 1. Nhà Nguyên xâm lược đại việt - 12/1287, Thoát hoan chỉ huy quân bộ đánh vào lạng sơn, bắc giang rồi chiếm đóng vạn kiếp, xây dựng căn cứ vững chắc. - quân thủy do <i>Ô mã nhi</i> chỉ huy theo sông bạch đằng đến vạn kiếp.

	2. <u>Trận Vân đồn tiêu diệt đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ</u> Trần Khánh Dư bố trí trận địa mai phục ở Vân Đồn, tiêu diệt đoàn thuyền lương của TVH -> tạo thời cơ để nhà Trần mở cuộc phản công. 3. <u>Chiến thắng Bạch Đằng.</u> - Cuối T1-1288, Thoát Hoan kéo quân chiến đóng Thăng Long, gặp nhiều khó khăn -> rơi vào thế bị động, cô lập. - Trần Quốc Tuấn mở cuộc phản công, bố trí mai phục ở sông Bạch Đằng -> <i>toàn bộ quân thủy bị tiêu diệt, ô mã nhi bị bắt sống.</i> - Quân bộ bị quân dân ta tập kích -> <i>tiêu diệt hơn 30 vạn quân xâm lược.</i> 4. <u>Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên.</u> a. <u>Nguyên nhân thắng lợi.</u> - Sự tham gia tích cực, chủ động của các tầng lớp nhân dân, các thành phần dân tộc. - Sự chuẩn bị chu đáo tiềm lực về mọi mặt cho mỗi cuộc k/c của nhà Trần. - Toàn dân đoàn kết chống giặc với tinh thần hy sinh quyết chiến quyết thắng. - Vương triều Trần và Trần Quốc Tuấn có đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo. b. <u>Ý nghĩa lịch sử.</u> - Đập tan tham vọng và ý chí xâm lược đv của nhà Nguyên, bảo vệ nền độc lập toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền dân tộc. - Góp phần xây đắp nên truyền thống quân sự VN và để lại bài học quý giá về xây dựng khối đoàn kết toàn dân. - Góp phần ngăn chặn cuộc xâm lược của quân Nguyên đối với Nhật Bản và các nước phương nam.
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	+ Hs gạch dưới các đoạn in nghiêng sgk/62, 64, 65. + Đọc kĩ mục 1 và 2 sgk/66, 67. + Xem kĩ các lược đồ hình 32, 33 trong sgk.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	1/ Lần thứ ba xâm lược nước ta, nhà Nguyên đã làm những gì? 2/ Cả 3 lần chống quân Mông-Nguyên xâm lược, nhà Trần đều dùng chiến thuật gì để đánh giặc? 3/ Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử?

MÔN ĐỊA KHỐI 7 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bài 21: MÔI TRƯỜNG ĐỚI LẠNH
Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu SGK (hoặc xem SGK trực tuyến), xem các hình ảnh, lược đồ, biểu đồ trong SGK.	I- Đặc điểm môi trường: <u>1/ Vị trí:</u> - Khoảng từ 2 vòng cực đến 2 cực - Bắc Cực là đại dương, Nam Cực là lục địa <u>2/ Khí hậu:</u> - Mùa Đông: rất dài, có bão tuyết. Nhiệt độ luôn dưới (-10°C) - Mùa hạ: ngắn, nhiệt độ ít khi vượt quá 10°C. Có băng trôi và núi băng - Mưa rất ít chủ yếu ở dạng tuyết rơi. Đất đóng băng quanh năm
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	1. Tính chất khắc nghiệt của khí hậu đới lạnh thể hiện như thế nào? 2. Tại sao lại nói đới lạnh là vùng hoang mạc lạnh của Trái Đất?

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bài 21: MÔI TRƯỜNG ĐỚI LẠNH (TIẾP THEO)
Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu SGK (hoặc xem SGK trực tuyến), xem các hình ảnh, lược đồ, biểu đồ trong SGK.	II- Sự thích nghi của thực vật và động vật với môi trường: 1- Thực vật - Vùng đài nguyên ven biển gần Bắc Cực có rêu, địa y...và một số loài cây thấp lùn 2- Động vật: thích nghi với khí hậu lạnh nhờ: - Lớp mỡ dày (hải cẩu, cá voi...) - Bộ lông không thấm nước (chim cánh cụt...) - Lớp lông dày (gấu trắng, tuần lộc...) - Động vật tránh rét bằng hình thức di cư hay ngủ đông
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	1. Tính chất khắc nghiệt của khí hậu đới lạnh thể hiện như thế nào ? 2. Tại sao lại nói đới lạnh là vùng hoang mạc lạnh của Trái Đất ?

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 13

(Từ 29/11 đến 04/12)

MÔN: ĐỊA LÍ KHỐI 7

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bài 23: MÔI TRƯỜNG VÙNG NÚI
Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu SGK (hoặc xem SGK trực tuyến), xem các hình ảnh, lược đồ, biểu đồ trong SGK.	I- Đặc điểm môi trường: - Khí hậu thay đổi theo độ cao - Thực vật thay đổi theo độ cao => sự phân tầng thực vật - Khí hậu và thực vật còn thay đổi theo hướng của sườn núi - Các sườn núi có độ dốc lớn dễ xảy ra lũ quét, lở đất... đe dọa cuộc sống người dân, gây khó khăn cho hoạt động kinh tế II- Cư trú của con người: - Là nơi thưa dân, là nơi cư trú của các dân tộc ít người - Người dân ở các vùng núi khác nhau có những đặc điểm cư trú khác nhau
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Quan sát hình 23.3, nhận xét về sự thay đổi của các vành đai thực vật ở vùng núi đới nóng và vùng núi đới ôn hoà. Giải thích.

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	ÔN TẬP CHƯƠNG III, IV, V
Hoạt động 1: Học sinh đọc tài liệu SGK (hoặc xem SGK trực tuyến), xem các hình ảnh, lược đồ, biểu đồ trong SGK.	A. Chương III: Môi trường hoang mạc. Hoạt động kinh tế của con người ở hoang mạc. I. Đặc điểm môi trường: 1- Phân bố: Hoang mạc chiếm 1/3 diện tích đất nổi trên các lục địa. Chủ yếu nằm dọc theo chí tuyến và giữa lục địa Á- Âu 2- Khí hậu: hết sức khô hạn khắc nghiệt, biên độ nhiệt ngày và đêm rất lớn - Phần lớn bề mặt hoang mạc là cồn cát, sỏi đá - Thực vật cằn cỗi, động vật nghèo nàn - Dân cư sống trong các ốc đảo 3- Phân biệt sự khác nhau giữa hoang mạc đới nóng và hoang mạc đới ôn hòa

	II. Sự thích nghi của thực vật, động vật với môi trường: Thích nghi bằng cách: - tự hạn chế sự mất nước - tăng cường dự trữ nước và chất dinh dưỡng B. Chương IV: Môi trường đới lạnh. Hoạt động kinh tế của con người ở đới lạnh. I- Đặc điểm môi trường: 1/Vị trí: - Khoảng từ 2 vòng cực đến 2 cực - Bắc Cực là đại dương, Nam Cực là lục địa 2/ Khí hậu: Vô cùng lạnh lẽo. Mưa rất ít, chủ yếu ở dạng tuyết rơi II- Sự thích nghi của thực vật và động vật với môi trường: 1- Thực vật: Ven biển Bắc Cực có đài nguyên. Nam Cực không có 2- Động vật: - Thích nghi nhờ lớp mỡ dày, lớp lông dày, bộ lông không thấm nước - Tránh rét bằng hình thức di cư hay ngủ đông C. Chương V: Môi trường vùng núi. Hoạt động kinh tế của con người ở vùng núi. I- Đặc điểm môi trường: - Khí hậu thay đổi theo độ cao - Thực vật thay đổi theo độ cao => sự phân tầng thực vật - Khí hậu và thực vật còn thay đổi theo hướng của sườn núi - Các sườn núi có độ dốc lớn dễ xảy ra lũ quét, lở đất... đe dọa cuộc sống người dân, gây khó khăn cho hoạt động kinh tế II- Cư trú của con người: - Là nơi thưa dân, là nơi cư trú của các dân tộc ít người - Người dân ở các vùng núi khác nhau có những đặc điểm cư trú khác nhau
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Học sinh ôn lại nội dung kiến thức của các chương để phân biệt được sự khác nhau của từng môi trường.

MÔN ANH KHỐI 7 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Unit 7 (A1, 2, 3, 4) Unit 7 (B1)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	A. Vocabulary - coop /ku:p/ (n): chuồng gà - definitely /'defɪnətli/ (adv): chắc chắn, nhất định - feed /fi:d/ (v): cho ăn - hard /hɑ:d/ (adv): vất vả/chăm chỉ - hour /aʊr/ (n): tiếng, giờ - lazy /'leɪ.zi/ (adj): lười biếng - period /'piə.ri.əd/ (n): tiết học

- public holiday /'pʌb.lɪk 'hɒl.ɪ.deɪ/ (n): ngày lễ
- quite /kwɑːt/ (adv): tương đối, khá
- real /riː.əl/ (adj): thật, thật sự
- realize /'riː.ə.laɪz/ (v): nhận ra

B. Grammar

1. Comparison of quantifier Adjectives

Many, Much: Nhiều -Few, Little: Ít

- Many theo sau là danh từ đếm được số nhiều (countable noun).Ex: many books, many students.
- Much dùng với danh từ không đếm được (uncountable noun).Ex: much time, much money.
- Few theo sau là danh từ đếm được (countable noun) số nhiều.Ex: few chairs, few pens.
- Little theo sau là danh từ không đếm được (uncountable noun).Ex: little water, little tea.

2. Comparative degree (So sánh hơn). Khi so sánh giữa hai người, hai vật, hai đại lượng,

a) **Much + Noun => More + noun + than:** nhiều ... hơn...

Ex: Tom has more books than you. (Tom có nhiều sách hơn bạn)

b) **Few + Noun => fewer + Noun + than ít... hơn..**

Ex: You have three brothers but I have two brothers.

I have fewer brothers than you.

c) **Little + noun => less + Noun + than ít... hơn**

Ex: I drink less coffee than my father. (Tôi uống ít cà phê hơn bố tôi)

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

C. Practice: Choose the best answer

1. The summer vacation _____ for almost three months.
A. longs B. lasts C. spends D. finishes
2. When there is _____ work, he goes to the city.
A. many B. fewer C. less D. least
3. What will you do _____ your summer vacation?
A. during B. for C. in D. with
4. Who's taking _____ of the family when your mother's away?
A. part B. day C. care D. time
5. My brother likes watching soccer. - _____
A. I do, too B. so like I C. I am, too D. so I do
6. Mr.Tuan has _____ days off than Mr.Jones.
A. many B. less C. fewer D. much
7. Hoa is a _____ student and she studies hard.
A. keen B. lazy C. fast D. nervous
8. Thanh helps children to learn. She is a _____.
A. doctor B. musician C. teacher D. writer.
9. Farmers have _____ vacations than students.
A. few B. fewer C. a few D. more few
10. I will have two days _____ next week.
A. of B. up C. off D. at

	11. Vietnamese people always _____ Tet holiday with their families and relatives. A. spend B. live C. use D. do 12. Ba often helps his uncle clean the buffalo _____. A. house B. table C. cage D. shed 13. My father works eight hours _____ at a factory. A. a day B. in a day C. days D. with a day 14. Hoa has two cats at home. She often _____ them in the morning and in the afternoon. A. feed B. feeds C. feeding D. to feed
--	---

MÔN ANH KHỐI 7 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Unit 7 (B2,3) Unit 8 (A1,2,3)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	A. Vocabulary - shed /ʃed/ (n): nhà kho, chuồng (trâu bò) - shift /ʃɪft/ (n): ca làm việc - typical / 'tɪp.ɪ.kəl/ (adj): điển hình, tiêu biểu - vacation /veɪ'keɪ.ʃən/ (n): kỳ nghỉ lễ - Easter /'iː.stər/ (n): Lễ Phục Sinh - Thanksgiving / ,θæŋks'gɪv.ɪŋ/ (n): Lễ Tạ Ơn - review /rɪ'vjuː/ (v): ôn tập - supermarket /'suː.pə.mɑː.kɪt/ (n): siêu thị - homeless /'həʊm.ləs/ (adj): không nhà, vô gia cư - regularly /'regjʊləli/ (adv): thường xuyên - send /Send/ (v): gửi đi - altogether / ,ɔːltə'geðər/ (adv): tổng cộng, tính gộp lại - change /tʃeɪndʒ/ (n): tiền lẻ, tiền thừa - coach /kəʊtʃ/ (n): xe chạy đường dài - cost /kɒst/ (n,v): chi phí, có giá là - direction /daɪ'rekʃən/ (n): phương hướng - guess /ges/ (v): sự phỏng đoán - mail /meɪl/ (v): gửi thư - overseas / ,əʊvə'siːz/ (adj): ở nước ngoài - phone card /fəʊn kɑːd/ (n): thẻ điện thoại - plain /pleɪn/ (n): đồng bằng B. Grammar * It takes ... = phải mất... thời gian - Khi muốn nói rõ người thực hiện việc đó ta dùng túc từ sau <i>take</i> . - Để diễn tả cần bao nhiêu thời gian để làm việc gì. -> Câu hỏi: How long + does + it + take + (pro) noun + to V? (Bạn) phải mất bao lần để -> Trả lời: It + take + (pro) noun + Noun of time + to infinitive ... (Tôi) mất (thời gian) để...

	Ex: How long does it take to walk to school? (Đi bộ đến trường mất bao nhiêu thời gian?) It often takes half an hour to walk to school. (Đi bộ đến trường thường mất nửa giờ). Ex: How long does it take you to walk to school? -> It often takes me half an hour to walk there.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	C. Practice: Choose the best answer - My father earns _____ money than my mother. A. fewer B. much C. more D. a little - He usually works very _____ before test. A. hard B. hardly C. keen D. lazy - It takes me two hours to do my homework. A. I do my homework in two hours. B. I'm doing my homework in two hours. C. I'll do my homework in two hours. D. you should give me two hours to do my homework. - She finds Geography difficult. A. she thinks Geography is not difficult. B. she thinks Geography is not easy. C. she finds Geography interesting. D. she finds Geography is easy. - The summer vacation lasts for three months. A. we will have a summer vacation in three months. B. the summer vacation will be three months long. C. it's a three-month summer vacation. D. it's a three-months summer vacation. - My birthday is _____ April 4th. A. in B. at C. on D. when - At recess, _____ activity is talking. A. more popular B. most popular C. popularer D. the most popular _____ a look at this picture. A. take B. give C. do D. make - Every Sunday morning, she cooks lunch for <u>homeless</u> people. A. having no home B. living nearby C. having no food D. being hungry - A cage for chicken is a _____. A. chicken shed B. chicken coop C. buffalo shed D. buffalo coop

GIÁO DỤC CÔNG DÂN KHỐI 7 TUẦN 12 + 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	<u>Bài 9</u> Xây dựng gia đình văn hóa
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Truyện đọc

	Một gia đình văn hóa (SGK Trang 26,27) II. Nội dung bài học 1) Khái niệm: Gia đình văn hóa là: - Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ. - Thực hiện kế hoạch hóa gia đình. - Đoàn kết với xóm giềng. - Làm tốt nghĩa vụ công dân 2) Để xây dựng gia đình văn hóa, mỗi người cần: - Thực hiện tốt bốn phận và trách nhiệm của mình với gia đình. - Sống giản dị, không ham những thú vui thiếu lành mạnh lành mạnh. - Không sa vào tệ nạn xã hội. 3) Ý nghĩa: - Gia đình thực sự là tổ ấm, nuôi dưỡng, giáo dục mỗi con người. - Gia đình có bình yên thì xã hội mới ổn định. - Xây dựng gia đình văn hóa là góp phần xây dựng xã hội văn minh, tiến bộ. 4) Học sinh góp phần xây dựng gia đình văn hóa bằng cách: Chăm ngoan, học giỏi. - Kính trọng, giúp đỡ ông bà, cha mẹ, thương yêu anh chị em. - Không đua đòi, ăn chơi. - Không làm tổn hại đến danh dự gia đình. * Danh ngôn: HS đọc sách trang 28
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Dặn dò - Ghi chép nội dung bài đầy đủ - Hoàn thành các bài tập b, e trong SGK trang 29 (làm vào tập) - Đọc trước bài 10

MÔN CÔNG NGHỆ KHỐI 7 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề -	BÀI 13: PHÒNG TRỪ SÂU BỆNH HẠI

Khởi lớp 7 Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Nguyên tắc phòng trừ sâu, bệnh hại – Phòng là chính. – Trừ sớm, kịp thời, nhanh chóng và triệt để. – Sử dụng tổng hợp các biện pháp phòng trừ. II. Các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại 1. Biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu, bệnh hại (Học bảng SGK/31) 2. Biện pháp thủ công Bắt bằng tay, ngắt bỏ cành lá bị bệnh, bẫy đèn, vọt,.. – <u>Ưu điểm</u>: đơn giản, hiệu quả khi sâu, bệnh mới phát sinh. – <u>Nhược điểm</u>: hiệu quả thấp khi sâu, bệnh phát sinh nhiều, tốn công,.. 3. Biện pháp hóa học Phun thuốc, rắc thuốc vào đất, trộn thuốc vào hạt giống,.. – <u>Ưu điểm</u>: diệt sâu, bệnh nhanh, ít tốn công. – <u>Nhược điểm</u>: dễ gây độc, làm ô nhiễm môi trường; giết chết các sinh vật khác ở ruộng. <u>***Yêu cầu sử dụng thuốc hóa học:</u> – Sử dụng đúng loại thuốc, nồng độ, liều lượng – Phun đúng kỹ thuật. 4. Biện pháp sinh học: Dùng các loại sinh vật để diệt sâu hại – <u>Ưu điểm</u>: hiệu quả cao, không ô nhiễm môi trường. – <u>Nhược điểm</u>: phải có thời gian cho thiên địch phát triển. 5. Biện pháp kiểm dịch thực vật Kiểm tra, xử lý nông phẩm nhằm ngăn chặn sự lây lan sâu, bệnh khi xuất nhập khẩu. ***DẶN DÒ – Các em chép nội dung bài vào tập. – Học bài – Xem trước bài 14
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Em hãy học thuộc nội dung hoạt động 1 và trả lời các câu hỏi sau: – Em hãy nêu các nguyên tắc trong phòng trừ sâu, bệnh hại? – Sử dụng thuốc hóa học trừ sâu, bệnh hại bằng cách nào? Cần đảm bảo yêu cầu gì? – Nêu các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại?

MÔN CÔNG NGHỆ KHỐI 7 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	BÀI 14: NHẬN BIẾT MỘT SỐ LOẠI THUỐC VÀ NHÃN HIỆU CỦA THUỐC TRỪ SÂU BỆNH HẠI
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	III. Dụng cụ và vật liệu cần thiết: – Các mẫu thuốc. – Các nhãn hiệu thuốc. IV. Quy trình thực hành: 1. Nhận biết nhãn hiệu thuốc trừ sâu, bệnh hại a) Phân biệt độ độc: - Nhóm độc 1: “Rất độc”, “Nguy hiểm” có hình đầu lâu, xương chéo trong hình vuông đặt lệch, có vạch màu đỏ. - Nhóm độc 2: “Độc cao” có hình chữ thập trong hình vuông đặt lệch, có vạch màu vàng. - Nhóm độc 3: “Cẩn thận” có vạch rời trong hình vuông đặt lệch hoặc không có, có vạch màu xanh. b) Tên thuốc: Tên sản phẩm – Hàm lượng chất tác dụng – Dạng thuốc (Vd: Padan 95 SP) 2. Quan sát một số dạng thuốc: (xem thêm sgk) ***DẶN DÒ – Các em chép nội dung bài vào tập. – Xem trước bài 15
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	Em hãy học thuộc nội dung hoạt động 1, sưu tầm và tập đọc các nhãn hiệu thuốc trừ sâu, bệnh hại

MÔN ÂM NHẠC KHỐI 7 TUẦN 12

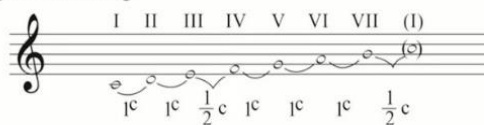
NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	Gam trưởng Giọng trưởng TĐN 9: Trường làng tôi
Hoạt động 1: Nhạc lí: TĐN 9 (Hs ghi bài vào vở)	+ Nhạc lí

1. Gam trưởng

Gam trưởng là hệ thống 7 bậc âm được sắp xếp liên bậc, hình thành dựa trên công thức cung và nửa cung như sau :



Ví dụ : gam Đô trưởng



Âm ổn định nhất trong gam gọi là âm chủ (bậc I). Trong gam Đô trưởng, âm chủ là nốt Đô.

2. Giọng trưởng

Các bậc âm trong gam trưởng được sử dụng để xây dựng giai điệu một bài hát (hoặc một bản nhạc), người ta gọi đó là giọng trưởng kèm theo tên âm chủ.

Ví dụ : bài TĐN số 4 (lớp 6)



Bài nhạc trên viết ở giọng Đô trưởng, âm chủ là nốt Đô, hoá biểu không có dấu thăng, giáng ; nốt kết thúc của bài là nốt Đô.

TĐN 9: Trường Làng tôi

Tập đọc nhạc : TĐN số 9

Trường làng tôi

(Trích)

Nhạc và lời : PHẠM TRỌNG CẦU

Nhịp nhàng

Trường làng tôi cây xanh lá vẫy quanh muôn
 Trường làng tôi hai gian lá đơn sơ che
 chim hót vang lên êm đềm. Bên trường
 trên miếng sân vuông mơ màng. Trường làng
 tôi con đê bé xinh xinh len qua đám cây
 tôi không giây phút tôi ...
 xanh nhẹ lướt.
 ... quên dù cách xa muôn trùng trường ơi!

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

- Nhận xét về nhạc lí
 - + Gam trưởng là gì?
 - + Giọng trưởng là gì?
- Nhận xét về TĐN 9

	- Bài TĐN 9 viết ở nhịp mấy? - Cao độ gồm những nốt nào? - Trường độ gồm các hình nốt nào? - Chia làm mấy câu?
Hoạt động 3: Thực hành	- Hs đọc nốt TĐN 9 - Ghép lời ca - Hs đọc nhạc + đọc nhịp

MÔN ÂM NHẠC KHỐI 7 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 7	NS Hoàng Việt với bài hát “Nhạc rừng”
Hoạt động 1: Tìm hiểu NS Hoàng Việt (Hs ghi bài vào vở)	• Âm nhạc thường thức NHẠC SĨ HOÀNG VIỆT VÀ BÀI HÁT NHẠC RỪNG  1. Nhạc sĩ Hoàng Việt (1928 - 1967) Tên khai sinh của nhạc sĩ là Lê Chí Trực. Ông sinh năm 1928, quê ở xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Nhạc sĩ là tác giả của nhiều ca khúc nổi tiếng như: <i>Lên ngàn, Lá xanh, Mùa lúa chín, Tình ca, ...</i> Tác phẩm <i>Quê hương</i> của ông là bản giao hưởng nhiều chương đầu tiên của nền âm nhạc Việt Nam hiện đại. Ông đã hi sinh năm 1967 ở miền Nam, trên đường đi công tác trong thời kì chống Mỹ cứu nước. Từ năm 1985, ở Thành phố Hồ Chí Minh có một đường phố mang tên ông. Năm 1996, ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật. 2. Bài hát Nhạc rừng Bài hát <i>Nhạc rừng</i> được nhạc sĩ Hoàng Việt sáng tác năm 1953 ở Nam Bộ, trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.
Hoạt động 2: Thực hành nghe bài hát “Nhạc rừng”	- Học nghe bài hát “Nhạc rừng”? - Vừa nghe vừa gõ đệm theo bài hát - https://youtu.be/liKbqnOiWmg • Nội dung bài hát Cúc cu! Cúc cu! Chim rừng ca trong nắng Im nghe! Im nghe! Ve rừng kêu liên miên Rừng hát gió lay trên cành biếc Lao xao! Rì rào! Dòng suối uốn quanh làn nước trôi trong xanh Róc rách! Róc rách nước luồn qua khóm trúc Lá rơi! Lá rơi! Xoay tròn nước cuộn trôi Có anh chiến sĩ đi qua khu rừng vắng Lắng nghe nhạc rừng tâm hồn vui phơi phới Anh cười một mình rồi cất tiếng hát vang Cây rừng dội tiếng theo lời ca mệnh mang Tính tang! Tính tình! Miền đông gian lao mà anh dũng Tính tang! Tính tình hăng hái chiến đấu với quân thù Đường xa chân đi vui bước Lòng xuân thêm bao thắm tươi Nhạc rừng vắng đùa cùng nhịp bước Hương rừng thoảng đưa hồn say sưa Hợp âm Nhạc rừng

Hoạt động 3: Vận dụng sáng tạo	- Nêu những nét chính về NS Hoàng Việt - Nêu cảm nhận về bài “Nhạc rừng” - Vận động hoặc gõ đệm bài “Nhạc rừng”
---------------------------------------	---

MÔN MỸ THUẬT KHỐI 7 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
	BÀI: VẼ TRANH ĐỀ TÀI – CUỘC SỐNG QUANH EM. (Tiết 2 - Vẽ màu)
Hoạt động 1: TÌM HIỂU BÀI	I. Tìm và chọn nội dung đề tài: - Vẽ về cuộc sống diễn ra xung quanh mình từ gia đình, nhà trường đến xã hội. - Lao động, học tập, vui chơi, lễ hội, phong cảnh... II. Cách vẽ: - Tìm và chọn nội dung đề tài. - Tìm bố cục (phân chia mảng hình chính, hình phụ) - Tìm hình – vẽ chi tiết. - Vẽ màu.
Hoạt động 2: THỰC HÀNH BÀI VẼ Lưu ý: Học sinh có thể sử dụng giấy vẽ hoặc giấy tập.	BÀI TẬP - Vẽ tranh đề tài Cuộc sống quanh em trong giấy A4. BÀI THAM KHẢO  

MÔN MỸ THUẬT KHỐI 7 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
	BÀI: ÁM TÍCH VÀ CÁI BÁT (Tiết 1 – Vẽ hình)
Hoạt động 1: TÌM HIỂU BÀI	I. Quan sát nhận xét: - Vị trí đặt âm tích và cái bát. - Hình dáng. - Cấu tạo. - Chất liệu. - Màu sắc. - Ánh sáng - Độ đậm nhạt - Bóng đổ. II. Cách vẽ: 1. Quan sát nhận xét – ước lượng tỉ lệ vật mẫu. 2. Vẽ khung hình chung- khung hình riêng. 3. Tìm tỉ lệ – vẽ phác nét chính. 4. Vẽ chi tiết – hoàn chỉnh hình.

	
Hoạt động 2: THỰC HÀNH BÀI VẼ	BÀI TẬP - Vẽ Âm tích và cái bát.

MÔN THỂ DỤC KHỐI 7 TUẦN 12

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Đội Hình Đội Ngũ ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG NGANG
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	Đội hình tiểu đội hàng ngang, hàng dọc; tiểu đội đối hướng. Rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỉ luật cao, tự giác chấp hành điều lệnh và các nội quy của nhà trường. I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU: - Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình cơ bản của tiểu đội, trung đội. - Biết thực hành chỉ huy đội hình cơ bản của tiểu đội, trung đội. - Rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỉ luật cao, tự giác chấp hành điều lệnh và các nội quy của nhà trường. II. NỘI DUNG: ➤ Đội hình hàng ngang: - <i>Ý nghĩa:</i> Đội hình tiểu đội hàng ngang thường vận dụng trong học tập, sinh hoạt, hạ mệnh lệnh, kiểm tra quân số, khám súng, giá súng,... - <i>Vị trí của tiểu đội trưởng:</i> Đội hình tiểu đội hàng ngang, tiểu đội trưởng đứng bên phải đội hình tiểu đội. Vị trí chỉ huy tại chỗ (đón đón tập hợp, điểm số, chỉ huy tiểu đội luyện tập, nhận xét,...), tiểu đội trưởng đứng ở chính giữa, phía trước đội hình tiểu đội cách từ 3 - 5 bước. Vị trí chỉ huy tiểu đội khi hành tiến, tiểu đội trưởng đi ở bên trái đội hình của tiểu đội cách 2-3 bước, ngang với hàng trên cùng (nếu tiểu đội hai hàng ngang). Khi chỉnh đốn hàng ngũ về bên phải (trái) tiểu đội cách người làm chuẩn 2-3 bước. III. Đội hình tiểu đội một hàng ngang (hình 1.1) Thứ tự các bước chỉ huy đội hình tiểu đội một hàng ngang gồm: Tập hợp; Điểm số; Chỉnh đốn hàng ngũ; Giải tán. Bước 1: Tập hợp. Khẩu lệnh: “<i>Tiểu đội X thành một hàng ngang - TẬP HỢP</i>”. Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh. “<i>Tiểu đội X thành một hàng ngang</i>” là dự lệnh, “<i>TẬP HỢP</i>” là động lệnh. Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ: Tiểu đội trưởng xác định vị trí tập hợp, hướng tập hợp, sau đó quay về phía các chiến sĩ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh “<i>Tiểu đội X</i>”.

	Nghe khẩu lệnh “<i>Tiểu đội X</i>”, toàn tiểu đội quay về phía tiểu đội trưởng, đứng nghiêm chờ nhận lệnh. Hình 1.1 Đội hình tiểu đội một hàng ngang Khi thấy toàn tiểu đội đã đứng nghiêm, tiểu đội trưởng hô tiếp “<i>Thành 1 hàng ngang - TẬP HỢP</i>” rồi quay về hướng định tập hợp, đứng nghiêm làm chuẩn cho các chiến sĩ vào tập hợp. Nghe dứt động lệnh “<i>TẬP HỢP</i>”, các chiến sĩ im lặng, nhanh chóng chạy vào vị trí tập hợp đứng bên trái tiểu đội trưởng thành một hàng ngang, đứng đúng gián cách quy định (gián cách giữa 2 người đứng cạnh nhau là 70cm, tính từ giữa gót hai bàn chân của hai người đứng cạnh nhau hoặc 20cm tính từ khoảng cách hai cánh tay của hai người đứng cạnh nhau), tự động dóng hàng, xong đứng nghỉ. Khi thấy đã có từ 2 - 3 chiến sĩ đứng vào vị trí bên trái mình, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều lên phía trước chính giữa đội hình, cách đội hình từ 3 - 5 bước thì dừng lại, quay vào đội hình đôn đốc tập hợp. Bước 2: Điểm số. Khẩu lệnh: “<i>ĐIỂM SỐ</i>”. Khẩu lệnh chỉ có động lệnh, không có dự lệnh. Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ: Khi các chiến sĩ đã đứng vào vị trí tập hợp, tại vị trí chỉ huy, tiểu đội trưởng hô khẩu lệnh “<i>ĐIỂM SỐ</i>”. Nghe dứt động lệnh “<i>ĐIỂM SỐ</i>”, từng chiến sĩ theo thứ tự từ bên phải sang bên trái về tư thế đứng nghiêm, hô rõ số của mình, đồng thời quay mặt sang bên trái 45°, điểm số xong quay mặt trở lại. Lần lượt điểm số từ 1 cho đến hết tiểu đội. Người đứng cuối cùng của hàng, khi điểm số không quay mặt, điểm số xong, hô “<i>HẾT</i>”. Bước 3: Chỉnh đốn hàng ngũ. Khẩu lệnh: “<i>Nhìn bên phải (trái) – THẮNG</i>”. Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh. “<i>Nhìn bên phải (trái)</i>” là dự lệnh, “<i>THẮNG</i>” là động lệnh. <i>Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ:</i> Trước khi chỉnh đốn hàng ngũ, tiểu đội trưởng hô cho các chiến sĩ trong hàng đứng nghiêm. Khi thấy các chiến sĩ đã đứng nghiêm, tiểu đội trưởng hô tiếp “<i>Nhìn bên phải (trái) - THẮNG</i>”. Nghe dứt động lệnh “<i>THẮNG</i>”, chiến sĩ làm chuẩn (người đứng đầu hàng bên phải hoặc bên trái đội hình) vẫn nhìn thẳng, các chiến sĩ còn lại quay mặt hết cỡ sang bên phải (trái), xê dịch lên (xuống) để dóng hàng cho thẳng, qua phải (trái) để điều chỉnh gián cách. Muốn dóng hàng ngang thẳng, từng người phải nhìn
--	---

	được nắp túi áo ngực bên trái (phải) của chiến sĩ đứng thứ tư về bên phải (trái) mình (chiến sĩ nữ thì phải nhìn thấy ve cổ áo). Quá trình các chiến sĩ dóng hàng, tiểu đội trưởng quan sát, đôn đốc để các chiến sĩ tập trung dóng hàng và điều chỉnh gián cách. Chiến sĩ dóng hàng xong, tiểu đội trưởng hô “THÔI”. Nghe dứt động lệnh “THÔI”, các chiến sĩ trong hàng quay mặt trở lại hướng cũ, mắt nhìn thẳng, đứng nghiêm, không xê dịch vị trí đứng. Tiểu đội trưởng quay nửa bên trái (phải), đi đều về phía đầu đội hình, đến ngang và cách người làm chuẩn từ 2 - 3 bước thì dừng lại, quay vào đội hình để kiểm tra hàng ngang. Khi kiểm tra thấy gót chân và ngực của các chiến sĩ cùng nằm trên một đường thẳng ngang là được. Nếu chiến sĩ nào đứng chưa thẳng hàng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh “Đồng chí (số)... LÊN (XUỐNG)”. Tiểu đội trưởng có thể cùng một lúc sửa cho 3-4 chiến sĩ, chiến sĩ gần người làm chuẩn trước. Chiến sĩ nghe tiểu đội trưởng gọi tên mình phải quay mặt về hướng tiểu đội trưởng và làm theo lệnh của tiểu đội trưởng, tiến (lùi). Khi tiến (lùi) phải kết hợp dóng hàng cho thẳng. Khi thấy các chiến sĩ đã đứng thẳng hàng thì hô “ĐƯỢC”. Nghe dứt động lệnh “ĐƯỢC”, các chiến sĩ quay mặt trở lại hướng cũ, mắt nhìn thẳng. Tiểu đội trưởng quay nửa bên phải (trái) đi đều về vị trí chỉ huy. Bước 4: Giải tán. Khẩu lệnh: “GIẢI TÁN”. Khẩu lệnh chỉ có động lệnh, không có dự lệnh. Động tác: Nghe dứt động lệnh, các chiến sĩ trong hàng nhanh chóng tản ra. Nếu đang đứng nghỉ phải trở về tư thế đứng nghiêm rồi mới tản ra.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Ôn lại các kiến thức về đội hình đội ngũ : ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG NGANG

MÔN THỂ DỤC KHỐI 7 TUẦN 13

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Đội Hình Đội Ngũ ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG DỌC
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	Đội hình tiểu đội hàng ngang, hàng dọc; tiểu đội đổi hướng. Rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỉ luật cao, tự giác chấp hành điều lệnh và các nội quy của nhà trường. I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU: - Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình cơ bản của tiểu đội, trung đội. - Biết thực hành chỉ huy đội hình cơ bản của tiểu đội, trung đội. - Rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỉ

luật cao, tự giác chấp hành điều lệnh và các nội quy của nhà trường.

II. NỘI DUNG:

➤ Đội hình hàng dọc

- Ý nghĩa:

Thường vận dụng trong hành quân, trong đội hình tập hợp của trung đội, đại đội khi tập trung học tập, sinh hoạt.

- Vị trí của tiểu đội trưởng:

Đội hình tiểu đội hàng dọc, tiểu đội trưởng đứng trước cách số 1 là 1m.

Vị trí chỉ huy tại chỗ (đôn đốc tập hợp, điểm số, hạ đạt mệnh lệnh,...), tiểu đội trưởng đứng phía trước chệch về bên trái đội hình cách 3-5 bước.

Vị trí chỉ huy tiểu đội khi hành tiến, tiểu đội trưởng đi ở 1/3 bên trái đội hình (từ trên xuống) cách từ 2 - 3 bước.

Khi cùng tiểu đội hành tiến (đi trong đội hình của tiểu đội) thì đi đầu tiểu đội, cách 1m. Nếu đội hình tiểu đội 2 hàng dọc thì tiểu đội trưởng đi đầu chính giữa 2 hàng của tiểu đội, cách 1m.

Khi chỉ huy tiểu đội luyện tập tại chỗ, tiểu đội trưởng có thể đứng ở vị trí chỉ huy tại chỗ để chỉ huy chung.

III. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

Đội hình tiểu đội một hàng dọc

Thứ tự các bước chỉ huy đội hình tiểu đội một hàng dọc gồm: Tập hợp; Điểm số; Chinh đốn hàng ngũ; Giải tán.

Bước 1: Tập hợp.

Khẩu lệnh: “*Tiểu đội X thành một hàng dọc - TẬP HỢP*”. Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh. “*Tiểu đội X thành một hàng dọc*” là dự lệnh, “*TẬP HỢP*” là động lệnh.

Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ:

Tiểu đội trưởng xác định vị trí tập hợp, hướng tập hợp, sau đó quay về phía chiến sĩ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh “*Tiểu đội X*”. trước chệch về bên trái đội hình, cách đội hình từ 3 - 5 bước thì dừng lại, quay vào đội hình đôn đốc các chiến sĩ tập hợp.

Bước 2: Điểm số.

Khẩu lệnh: “*Điểm số*”. Khẩu lệnh chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ:

Khi thấy các chiến sĩ đã đứng vào vị trí tập hợp, tại vị trí chỉ huy, tiểu đội trưởng hô “*ĐIỂM SỐ*”.

Nghe dứt động lệnh “*ĐIỂM SỐ*”, từng chiến sĩ theo thứ tự từ trên xuống dưới trở về tư thế đứng nghiêm, hô rõ số của mình, đồng thời quay mặt hết cỡ sang bên trái, điểm số xong quay mặt trở lại. Lần lượt điểm số từ 1 cho đến hết tiểu đội. Người đứng cuối cùng của hàng, khi điểm số không quay mặt, điểm số xong, hô “*HẾT*”.

Bước 3: Chinh đốn hàng ngũ.

Khẩu lệnh: “*Nhìn trước – THẮNG*”. Khẩu lệnh có dự lệnh và động lệnh. “*Nhìn trước*” là dự lệnh, “*THẮNG*” là động lệnh.

Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sĩ:

Trước khi chinh đốn hàng ngũ, tiểu đội trưởng hô cho các chiến sĩ trong hàng đứng nghiêm. Khi thấy các chiến sĩ đã đứng nghiêm, tiểu đội trưởng hô tiếp “*Nhìn trước – THẮNG*”.

Nghe dứt động lệnh “*THẮNG*”, trừ chiến sĩ số 1 làm chuẩn, các chiến sĩ khác dóng hàng dọc, nhìn thẳng giữa gáy người đứng trước mình (không thấy gáy người thứ hai đứng trước mình); xê dịch qua trái (phải) để dóng hàng dọc cho thẳng, xê dịch lên (xuống) để điều chỉnh cự li.

Quá trình các chiến sĩ dóng hàng, tiểu đội trưởng quan sát, đôn đốc để các chiến sĩ tập trung dóng hàng và điều chỉnh cự li. Chiến sĩ dóng hàng xong, tiểu đội

	trưởng hô “<i>THÔI</i>”. Nghe dứt động lệnh, các chiến sĩ trong hàng mắt vẫn nhìn thẳng, đứng nghiêm, không xê dịch vị trí đứng. Tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều về phía đầu đội hình, cách người đứng đầu từ 2 - 3 bước thì dừng lại, quay vào đội hình để kiểm tra hàng dọc. Hàng dọc thẳng là cạnh mũ, cạnh vai của các chiến sĩ cùng nằm trên một đường thẳng. Nếu chiến sĩ nào đứng chưa thẳng hàng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh “<i>Đồng chí (số)... QUA PHẢI (TRÁI)</i>”. Tiểu đội trưởng có thể cùng một lúc sửa cho 3-4 chiến sĩ, lần lượt từ trên xuống dưới. Chiến sĩ nghe tiểu đội trưởng gọi tên mình phải tập trung sự chú ý và làm theo khẩu lệnh của tiểu đội trưởng, qua phải (trái). Khi qua phải (trái) phải kết hợp nhìn thẳng về phía trước để dóng hàng. Khi thấy các chiến sĩ đã đứng thẳng hàng, tiểu đội trưởng hô “<i>ĐƯỢC</i>”, sau đó đi đều về vị trí chỉ huy. Bước 4: Giải tán. Khẩu lệnh: “<i>GIẢI TÁN</i>”. Khẩu lệnh chỉ có động lệnh, không có dự lệnh. Động tác: Nghe dứt động lệnh, các chiến sĩ trong hàng nhanh chóng tản ra. Nếu đang đứng nghiêm phải trở về tư thế đứng nghiêm rồi mới tản ra.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Ôn lại các kiến thức về đội hình đội ngũ : ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG DỌC